

BÁO CÁO

Dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 02/2019.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 02/2019 đạt khoảng 2.237 triệu USD giảm khoảng 31% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 10,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2019 đạt khoảng 1.188 triệu USD giảm khoảng 33,55% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 11,46% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 1.011 triệu USD tăng khoảng 11,72% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu tháng 02/2019 đạt khoảng 1.048 triệu USD giảm khoảng 27,86% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 7,06% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 887,9 triệu USD tăng khoảng 10% so với cùng kỳ. Xuất siêu tháng 02/2019 khoảng 140 triệu USD.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 5.480 triệu USD, tăng khoảng 9% so với cùng kỳ, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.978 triệu USD tăng khoảng 10,8% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 2.514 triệu USD (chiếm 84,4%) tăng 11% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 2.502 triệu USD tăng khoảng 7,06% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 2.122 triệu USD (chiếm 84,8%), tăng khoảng 7,29% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 02/2019 giảm mạnh so với tháng 01/2019 do trùng dịp nghỉ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi (9 ngày). Tuy nhiên, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 02/2019 và lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu 02 tháng đầu năm 2019 tăng 9 – 10% so với cùng kỳ. Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, dự kiến kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng trưởng trở lại.

II. MỘT SỐ NHÓM HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH

1. Giày dép các loại

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép tháng 02/2019 ước đạt 256,5 triệu USD giảm khoảng 34,16% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 22,5% so với cùng kỳ.

Một số thị trường có kim ngạch xuất khẩu giày dép tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ: Hoa Kỳ 92,8 triệu USD (tăng khoảng 8,9%); Trung Quốc 48,6 triệu USD (tăng khoảng 82,7%); Bỉ 29,3 triệu USD (tăng khoảng 56,5%); Anh 11 triệu USD (tăng khoảng 29,3%); Đức 8,6 triệu USD (tăng khoảng 20,3%); Hà Lan 4,7 triệu USD (tăng khoảng 47,7%); Canada 4,6 triệu USD (tăng khoảng 43,9%); Mexico 4,3 triệu USD (tăng khoảng 33,5%). Một số thị trường có kim ngạch xuất khẩu giày dép giảm so với cùng kỳ: Nhật Bản 8,4 triệu USD (giảm

khoảng 21,6%); Hàn Quốc 5,4 triệu USD (giảm khoảng 39%); Pháp 3,59 triệu USD (giảm khoảng 17,7%); Hồng Kông 3,1 triệu USD (giảm khoảng 21,2%); Brazil 2,25 triệu USD (giảm khoảng 17%).

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng giày dép ước đạt 646 triệu USD, tăng khoảng 22,97% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 234 triệu USD (tăng khoảng 13,2%); Trung Quốc 122,5 triệu USD (tăng khoảng 73,7%); Bỉ 73,7 triệu USD (tăng khoảng 27%); Anh 27,8 triệu USD (tăng khoảng 20%); Đức 21,7 triệu USD (tăng khoảng 6,8%); Nhật Bản 21 triệu USD (giảm khoảng 9,7%); Hàn Quốc 13,7 triệu USD (giảm khoảng 14,6%); Hà Lan 11,8 triệu USD (tăng khoảng 15%);...

2. Hàng dệt may

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may tháng 02/2019 ước đạt 180 triệu USD giảm khoảng 15,85% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 60% so với cùng kỳ.

Theo dự ước tháng 02/2019, hầu hết các thị trường chủ yếu đều có mức tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ như: Hoa Kỳ 75 triệu USD (tăng khoảng 61,4%); Nhật Bản 19,8 triệu USD (tăng khoảng 47,7%); Pháp 11,6 triệu USD (tăng khoảng 97%); Hàn Quốc 8 triệu USD (tăng khoảng 27,4%); Campuchia 7,8 triệu USD (tăng khoảng 76,7%); Trung Quốc 7,3 triệu USD (tăng khoảng 55,6%); Indonesia 6,7 triệu USD (tăng khoảng 106%); Hà Lan 4,9 triệu USD (tăng khoảng 74%); Đức 3,7 triệu USD (tăng khoảng 154%); Bỉ 3,56 triệu USD (tăng khoảng 68,5%).

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may ước đạt 394 triệu USD, tăng khoảng 31,14% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 164 triệu USD (tăng khoảng 34%); Nhật Bản 43 triệu USD (tăng khoảng 27%); Pháp 25,5 triệu USD (tăng khoảng 52,9%); Hàn Quốc 17,6 triệu USD (tăng khoảng 7%); Campuchia 17 triệu USD (tăng khoảng 48,3%); Trung Quốc 16 triệu USD (tăng khoảng 54%); Indonesia 14,8 triệu USD (tăng khoảng 73%); Hà Lan 10,9 triệu USD (tăng khoảng 13,8 triệu USD); Đức 8,18 triệu USD (tăng khoảng 89,2%); Bỉ 7,8 triệu USD (tăng khoảng 3,5%).

3. Máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng

Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tháng 02/2019 đạt 107 triệu USD giảm 25,22% so với tháng 01/2019 và tăng 42,36% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tại các thị trường chủ yếu tháng 02/2019 như sau: Hoa Kỳ 24,6 triệu USD (tăng khoảng 72,75%); Nhật Bản 12,7 triệu USD (tăng khoảng 29,36%); Philippines 8,4 triệu USD (tăng khoảng 57,43%); Trung Quốc 6,5 triệu USD (tăng khoảng 6%); Hồng Kông 5,9 triệu USD (tăng khoảng 59%); Thái Lan 4,8 triệu USD (tăng khoảng 20,8%); Hàn Quốc 4,7 triệu USD (tăng khoảng 121%); Hà Lan

4,58 triệu USD (tăng khoảng 69%); Đức 3,58 triệu USD (tăng khoảng 30,5%); Slovenia 2,76 triệu USD (tăng khoảng 1,97%);...

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 251,5 triệu USD tăng 31,6% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 57,5 triệu USD (tăng khoảng 63,9%); Nhật Bản 29,8 triệu USD (tăng khoảng 25,35%); Philipines 19,6 triệu USD (tăng khoảng 29,4%); Trung Quốc 15,3 triệu USD (tăng khoảng 6%); Hồng Kông 13,9 triệu USD (tăng khoảng 20,2%); Thái Lan 11,4 triệu USD (tăng khoảng 20,6%); Hàn Quốc 10,9 triệu USD (tăng khoảng 71,63%); Hà Lan 10,7 triệu USD (tăng khoảng 31,76%);...

4. Xơ, sợi dệt các loại

Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại tháng 02/2019 ước đạt 103,9 triệu USD giảm khoảng 19% so với tháng trước và giảm khoảng 2,55% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu xơ sợi dệt tháng 02/2019 vào một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 35,8 triệu USD (tăng khoảng 21,88%); Hàn Quốc 15,22 triệu USD (giảm khoảng 15,2%); Ấn Độ 7,3 triệu USD (giảm khoảng 25,38%); Thổ Nhĩ Kỳ 6,7 triệu USD (giảm khoảng 15,26%); Thái Lan 4,38 triệu USD (tăng khoảng 8,45%); Bangladesh 3,65 triệu USD (giảm khoảng 32,77%);...

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu xơ, sợi dệt các loại ước đạt 232,4 triệu USD giảm khoảng 3,5% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu xơ sợi dệt vào một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 80 triệu USD (tăng khoảng 6,62%); Hàn Quốc 34 triệu USD (giảm khoảng 6,86%); Ấn Độ 16,5 triệu USD (giảm khoảng 16,75%); Thổ Nhĩ Kỳ 15 triệu USD (giảm khoảng 13,3%); Thái Lan 9,8 triệu USD (tăng khoảng 19,11%); Bangladesh 8,1 triệu USD (giảm khoảng 30,78%);...

5. Gỗ & sản phẩm gỗ

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ tháng 02/2019 ước đạt 98,5 triệu USD giảm khoảng 31,5% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 63,8% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 62,5 triệu USD (tăng khoảng 78,2%); Hàn Quốc 11,7 triệu USD (tăng khoảng 58,6%); Nhật Bản 8,7 triệu USD (tăng khoảng 40,5%); Australia 2,7 triệu USD (tăng khoảng 48,9%); Anh 2,4 triệu USD (tăng khoảng 3,2%); Canada 2 triệu USD (tăng khoảng 13%);...

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu mặt hàng gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 242 triệu USD, tăng khoảng 38% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 153,8 triệu USD (tăng khoảng 52%); Hàn Quốc 28,8 triệu USD (tăng khoảng 34,8%); Nhật Bản 21,6 triệu USD (tăng khoảng 4,7%); Australia 6,6 triệu USD (tăng

khoảng 30,5%); Anh 5,9 triệu USD (tương đương so với cùng kỳ); Canada 5,1 triệu USD (giảm khoảng 8,6%);...

6. Cà phê

Kim ngạch xuất khẩu cà phê tháng 02/2019 ước đạt 16 triệu USD giảm khoảng 37,22% so với tháng 01/2019 và giảm khoảng 38,65% so với cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 10,2 ngàn tấn, giảm khoảng 37,22% so với tháng 01/2019, giảm khoảng 27% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu cà phê tháng 02/2019 giảm mạnh một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ: Italia 3,4 triệu USD (tăng khoảng 108%); Đức 2,3 triệu USD (giảm khoảng 13,4%); Hoa Kỳ 1,8 triệu USD (giảm khoảng 69,5%); Bỉ 1,45 triệu USD (giảm khoảng 16,74%); Tây Ban Nha 0,9 triệu USD (giảm khoảng 62%);...

Giá cà phê xuất khẩu tháng 02/2019 bình quân ước đạt 1.582 USD/tấn, tương đương so với tháng 01/2019, giảm khoảng 14% so với cùng kỳ.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, sản lượng cà phê xuất khẩu ước đạt 26,6 ngàn tấn, tương đương 42 triệu USD giảm khoảng 32% về lượng và giảm khoảng 41,52% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Italia 8,9 triệu USD (tăng khoảng 136%); Đức 6,1 triệu USD (tăng khoảng 1,67%); Hoa Kỳ 4,8 triệu USD (giảm khoảng 67,5%); Bỉ 3,76 triệu USD (tăng khoảng 23,65%); Tây Ban Nha 2,3 triệu USD (giảm khoảng 69,25%);...

7. Cao su

Kim ngạch xuất khẩu cao su tháng 02/2019 ước đạt 4,3 triệu USD giảm khoảng 22,68% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 52% so với cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 3,2 ngàn tấn, giảm khoảng 22,68% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 94% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu cao su tháng 02/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 2,3 triệu USD ; Hà Lan 0,54 triệu USD; Đức 0,47 triệu USD; Thái Lan 0,26 triệu USD; Indonesia 0,21 triệu USD; Ấn Độ 0,14 triệu USD; Hoa Kỳ 0,11 USD;...

Giá cao su xuất khẩu tháng 02/2019 bình quân ước đạt 1.330 USD/tấn, tương đương so với tháng 01/2019, giảm khoảng 20,6% so với cùng kỳ.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, sản lượng cao su xuất khẩu ước đạt 7,4 ngàn tấn, tương đương 9,9 triệu USD, tăng khoảng 97% về lượng và tăng khoảng 56% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 5,3 triệu USD ; Hà Lan 1,2 triệu USD; Đức 1 triệu USD; Thái Lan 0,59 triệu USD; Indonesia 0,49 triệu USD; Ấn Độ 0,3 triệu USD; Hoa Kỳ 0,27 triệu USD;...

8. Hạt điều nhân

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều nhân tháng 02/2019 ước đạt 17,3 triệu USD giảm khoảng 31,85% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 5,9% so với cùng kỳ. Lượng hạt điều xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 2,2 ngàn tấn, giảm khoảng 31,85% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 31,57% so với cùng kỳ. Kim ngạch

xuất khẩu hạt điều nhân tháng 02/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 6,8 triệu USD; Hoa Kỳ 4,7 triệu USD; Đức 0,7 triệu USD; Thổ Nhĩ Kỳ 0,6 triệu USD; Anh 0,6 triệu USD, Nga 0,58 triệu USD;...

Giá hạt điều xuất khẩu tháng 02/2019 bình quân ước đạt 7.831 USD/tấn, tương đương so với tháng 01/2019, giảm khoảng 20,8% so với cùng kỳ.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, sản lượng hạt điều xuất khẩu ước đạt 5,4 ngàn tấn, tương đương 42,8 triệu USD, giảm khoảng 2% về lượng và giảm khoảng 22,4% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 16,9 triệu USD; Hoa Kỳ 11,7 triệu USD; Đức 1,9 triệu USD; Thổ Nhĩ Kỳ 1,5 triệu USD; Anh 1,48 triệu USD, Nga 1,44 triệu USD;...

9. Hạt tiêu

Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu tháng 02/2019 ước đạt 2 triệu USD giảm khoảng 12,73% so với tháng 01/2019 và giảm khoảng 27,8% so với cùng kỳ. Lượng hạt tiêu xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 665 tấn, giảm khoảng 12,73% so với tháng 01/2019 và giảm khoảng 8,78% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu tháng 02/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 1,4 triệu USD; Philipines 120 ngàn USD; UAE 97 ngàn USD; Nhật Bản 85 ngàn USD; Đức 69 ngàn USD;...

Giá hạt tiêu xuất khẩu tháng 02/2019 bình quân ước đạt 3.028 USD/tấn, tương đương so với tháng 01/2019, giảm khoảng 22,77% so với cùng kỳ.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, sản lượng hạt điều xuất khẩu ước đạt 1,4 ngàn tấn, tương đương 4,3 triệu USD, tăng khoảng 4,62% về lượng nhưng giảm khoảng 19,2% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 3 triệu USD; Philipines 258 ngàn USD; UAE 210 ngàn USD; Nhật Bản 180 ngàn USD; Đức 148 ngàn USD;...

10. Các mặt hàng xuất khẩu khác

Kim ngạch, sản lượng xuất khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 02/2019 như sau:

- Phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 57 triệu USD, giảm khoảng 28% so với tháng 01/2019, tăng 13,36% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 13,8 triệu USD; Hoa Kỳ 7,9 triệu USD; Trung Quốc 7,3 triệu USD; Hàn Quốc 3 triệu USD; Thái Lan 2,9 triệu USD; Mexico 2,8 triệu USD;...

- Sản phẩm từ sắt thép ước đạt 52,5 triệu USD, giảm khoảng 19% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 17,25% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 17,8 triệu USD; Nhật Bản 6,2 triệu USD; Bỉ 4,6 triệu USD; Hàn Quốc 3,8 triệu USD; Hà Lan 3 triệu USD; Đức 2,2 triệu USD; Ba Lan 1,5 triệu USD;...

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt khoảng 47,2 triệu USD, giảm khoảng 17,53% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 31,71% so với

cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 13,6 triệu USD; Singapore 11,2 triệu USD; Hồng Kông 6,6 triệu USD; Trung Quốc 5,9 triệu USD; Thái Lan 1,8 triệu USD; Hàn Quốc 1,5 triệu USD;...

- Sản phẩm từ chất dẻo ước đạt 22,3 triệu USD, giảm khoảng 25,8% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 12,82% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 7 triệu USD, Indonesia 2,8 triệu USD, Hoa Kỳ 2,5 triệu USD, Hàn Quốc 1,1 triệu USD, Hà Lan 1 triệu USD; Thái Lan 0,8 triệu USD;...

- Chất dẻo nguyên liệu ước đạt 12 triệu USD, giảm khoảng 20% so với tháng 01/2019, giảm khoảng 4,7% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 2,9 triệu USD; Trung Quốc 1,9 triệu USD; Nhật Bản 1,9 triệu USD; Indonesia 1,5 triệu USD; Thái Lan 1,2 triệu USD; Bangladesh 0,3 triệu USD;...

- Sản phẩm gốm, sứ ước đạt 4,8 triệu USD, giảm 25% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 47% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Indonesia 1,5 triệu USD; Đài Loan 1 triệu USD; Argentina 0,3 triệu USD;...

- Túi xách, vali, ví, mũ và ô dù ước đạt 27,4 triệu USD, giảm khoảng 13% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 65% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 14,3 triệu USD; Nhật Bản 5,1 triệu USD; Bỉ 1,2 triệu USD; Hàn Quốc 1 triệu USD; Hà Lan 0,98 triệu USD; Canada 0,88 triệu USD;...

- Sắt thép các loại ước đạt 31 triệu USD, giảm khoảng 9% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 9,7 triệu USD, Campuchia 3,1 triệu USD, Hàn Quốc 2,1 triệu USD; Nhật Bản 1,9 triệu USD; Thái Lan 1,9 triệu USD; Hà Lan 1,89 triệu USD;...

Đánh giá:

Theo dự ước, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu của Đồng Nai tháng 02/2019 đều giảm so với tháng 01/2019, nguyên nhân do thời gian nghỉ Tết Nguyên Đán rơi vào giữa tháng 2. Bên cạnh đó việc sản xuất kinh doanh và hàng hóa xuất khẩu cũng bị ảnh hưởng nhiều, đây cũng là nguyên nhân khiến cho kim ngạch xuất khẩu của 02 tháng đầu năm thấp so với những tháng còn lại trong năm.

10. Kim ngạch xuất khẩu đối với nhóm hàng như sau:

- Đối với nhóm hàng công nghiệp, công nghiệp chế biến:

Kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2019 của nhóm hàng này ước đạt 972 triệu USD, chiếm khoảng 81,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng khoảng 12% so với cùng kỳ.

Hầu hết mặt hàng chủ yếu thuộc nhóm hàng này dự ước giảm so với tháng 01/2019 như: dệt may giảm khoảng 16%; giày dép giảm khoảng 34,16%; xơ, sợi dệt các loại giảm khoảng 19,2%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm khoảng 31,48%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác giảm khoảng 25,22%; phương tiện vận tải và phụ tùng giảm khoảng 28%;...

Tuy nhiên so với cùng kỳ thì các mặt hàng chủ yếu hầu hết đều tăng trưởng khá cao, cụ thể: dệt may tăng khoảng 60%; giày dép tăng khoảng 22,5%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng khoảng 63,84%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng khoảng 42,36%; sản phẩm từ sắt thép tăng khoảng 17,25%; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện tăng khoảng 31,71%,...

- Đối với nhóm hàng nông sản, thủy sản:

Với nhóm hàng nông sản, thủy sản, kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 61 triệu USD, giảm khoảng 31% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 1,9% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 5,2% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Theo dự kiến tháng 02/2019, đa số các mặt hàng nông sản xuất khẩu chính đều giảm so với tháng 01/2019 gồm: cà phê giảm 37,22%, hạt điều giảm 31,85%, cao su giảm khoảng 22,68%; hạt tiêu giảm khoảng 12,73%.

Đối với nhóm hàng hóa khác:

Với nhóm hàng hóa khác, dự ước kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2019 ước đạt 154 triệu USD, giảm khoảng 31,6% so với tháng 01/2019 và giảm khoảng 80% so với cùng kỳ và chiếm khoảng 13% tổng kim ngạch xuất khẩu.

III. MỘT SỐ NHÓM HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH

1. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng

Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này tháng 02/2019 ước đạt 132,7 triệu USD, giảm khoảng 24,5% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 15% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm ước đạt 308,5 triệu USD tăng 8,26% so với cùng kỳ.

2. Chất dẻo nguyên liệu:

Kim ngạch nhập khẩu tháng 02/2019 của nhóm hàng này ước đạt khoảng 95,8 triệu USD, giảm khoảng 29,5% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 6,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 231 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ.

3. Sắt thép các loại

Sản lượng sắt thép nhập khẩu tháng 02/2019 ước đạt khoảng 101 ngàn tấn tương đương 91,3 triệu USD, giảm khoảng 16% về lượng và về giá trị so với tháng 01/2019; tăng khoảng 15,9% về lượng và tăng khoảng 4,58% về giá trị so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 221,7 ngàn tấn, tương đương 200 triệu USD, tăng 112% về lượng và tăng 2,51% về giá trị so với cùng kỳ.

4. Các mặt hàng nhập khẩu khác

Kim ngạch, sản lượng nhập khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 02/2019 như sau:

- Hóa chất ước đạt 85,2 triệu USD, giảm khoảng 32% so với tháng 01/2019, giảm khoảng 7,5% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm ước đạt 209,5 triệu USD giảm khoảng 4% so với cùng kỳ.

- Kim loại thường khác ước đạt 17,2 ngàn tấn tương đương 65 triệu USD, giảm khoảng 35% về lượng và về giá trị so với tháng 01/2019, tăng khoảng 10% về giá trị so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 164 triệu USD, tăng khoảng 7,29% so với cùng kỳ.

- Thức ăn gia súc và nguyên liệu ước đạt khoảng 45 triệu USD, giảm khoảng 35% so với tháng 01/2019 và tăng 77% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 114 triệu USD tăng 13% so với cùng kỳ.

- Vải các loại đạt khoảng 62,4 triệu USD, giảm khoảng 24,5% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 8% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 145 triệu USD tăng 2,55% so với cùng kỳ.

- Bông các loại ước đạt 52,8 triệu USD, giảm khoảng 21% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 11,53% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 119 triệu USD, tăng khoảng 5,59% so với cùng kỳ.

- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày ước đạt khoảng 58,8 triệu USD, giảm khoảng 24% so với tháng trước, tăng khoảng 15,13% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 136 triệu USD, tăng khoảng 16% so với cùng kỳ.

- Xơ, sợi dệt các loại ước đạt 36,3 triệu USD, giảm khoảng 23% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 16,4% so với cùng kỳ. Luỹ kế 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 83 triệu USD, tăng 9,85% so với cùng kỳ.

Theo dự ước, kim ngạch nhập khẩu tháng 02/2019 thuộc nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất, giá công tăng hầu hết đều giảm so với tháng 01/2019 gồm: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng giảm khoảng 24,5%; chất dẻo nguyên liệu giảm khoảng 29,5%; sắt thép các loại giảm khoảng 16%; hóa chất giảm khoảng 7,5%; vải các loại giảm khoảng 24,5%; bông các loại giảm khoảng 21%; nguyên phụ liệu dệt may da giày giảm khoảng 24%, xơ, sợi dệt các loại giảm khoảng 23%...

Tuy nhiên so với cùng kỳ, các mặt hàng thuộc nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đều tăng trưởng khá gồm: máy móc thiết bị tăng 15%; hóa chất tăng khoảng 7,5%; chất dẻo nguyên liệu tăng khoảng 6,5%; sắt thép các loại tăng khoảng 4,58%; kim loại thường khác tăng khoảng 10%, xơ, sợi dệt các loại tăng khoảng 16,4%; vải các loại tăng khoảng 8%; nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng khoảng 15%.

Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng tiêu dùng tháng 02/2019 ước đạt 116 triệu USD, chiếm 11% tổng kim ngạch nhập khẩu của tỉnh.

IV. VỀ THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường xuất khẩu chủ yếu

1.1. Thị trường Hoa Kỳ

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tháng 02/2019 ước đạt 382 triệu USD, giảm khoảng 25,4% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 38,4% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tháng 02/2019 như sau: giày dép các loại 91 triệu USD (giảm khoảng 35%), gỗ và sản phẩm gỗ 62 triệu USD (giảm khoảng 32%), hàng dệt, may 75 triệu USD (giảm khoảng 16%), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác 24,6 triệu USD (giảm khoảng 25%), sản phẩm từ sắt thép 17,8 triệu USD (giảm khoảng 19%);... Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ ước đạt khoảng 894 triệu USD tăng khoảng 27,25% so với cùng kỳ.

1.2. Thị trường Nhật Bản

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản tháng 02/2019 ước đạt 162 triệu USD, giảm khoảng 20% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 39% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu vào thị trường Nhật Bản tháng 02/2019 so với tháng trước gồm: hàng dệt may đạt 19,8 triệu USD (giảm khoảng 16%); phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 15,6 triệu USD (giảm khoảng 19%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 12,8 triệu USD (giảm khoảng 25%); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 13,5 triệu USD (giảm khoảng 18%); gỗ và các sản phẩm gỗ đạt 8,7 triệu USD (giảm khoảng 32%);... Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản đạt khoảng 365 triệu USD; tăng khoảng 25% so với cùng kỳ.

1.3. Thị trường Trung Quốc:

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc tháng 02/2019 ước đạt 140 triệu USD giảm khoảng 26,2% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 33,8% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Trung Quốc tháng 02/2019 gồm: giày dép các loại 48 triệu USD (giảm khoảng 35%); xơ, sợi dệt các loại 35,9 triệu USD (giảm khoảng 19%); phương tiện vận tải và phụ tùng 8,2 triệu USD (giảm khoảng 19%), hạt điều 6,8 triệu USD (giảm khoảng 32%); nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày 6,6 triệu USD (giảm khoảng 27%),... Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc đạt khoảng 331,8 triệu USD tăng khoảng 22,6% so với cùng kỳ.

1.4. Thị trường khác:

Một số thị trường khác có kim ngạch xuất khẩu khá cao trong tháng 02/2019 cụ thể: Hàn Quốc ước đạt 78 triệu USD giảm 23% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 33,8% so với cùng kỳ; Bỉ ước đạt 47 triệu USD, giảm khoảng 27% so với tháng 01/2019, tăng khoảng 24,7% so với cùng kỳ.

2. Thị trường nhập khẩu chủ yếu

2.1. Thị trường Trung Quốc:

Tháng 02/2019 kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc ước đạt 233 triệu USD, giảm khoảng 26% so với tháng 01/2019 và tăng khoảng 9% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc ước đạt 547 triệu USD, tăng 42% so với cùng kỳ.

2.2. Thị trường Hàn Quốc:

Dự ước tháng 01/2019 kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc đạt khoảng 188 triệu USD, giảm khoảng 26,2% so với tháng 01/2019, giảm khoảng 7% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc đạt 443 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ.

2.3. Thị trường Đài Loan:

Thị trường Đài Loan với dự ước mức kim ngạch tháng 01/2019 đạt khoảng 127 triệu USD, giảm khoảng 26,6% so với tháng 01/2019 và giảm khoảng 3% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Đài Loan đạt 300,5 triệu USD, tăng 30% so với cùng kỳ.

2.4. Thị trường khác:

Các thị trường khác dự ước có kim ngạch nhập khẩu vào Đồng Nai khá cao trong tháng 02/2019 gồm Nhật Bản ước đạt 96 triệu USD, Hoa Kỳ ước đạt 95 triệu USD, Thái Lan ước đạt 64 triệu USD, Brazil ước đạt 53 triệu USD, Indonesia ước đạt 37 triệu USD, Malaysia ước đạt 25 triệu USD,...

Trên đây là báo cáo dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 02/2019 của tỉnh Đồng Nai. Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đ/c Đinh Quốc Thái (Chủ tịch tỉnh);
 - Đ/c Trần Văn Vĩnh (Phó Chủ tịch tỉnh);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Văn phòng tỉnh ủy;
 - Sở KH&ĐT;
 - Cục Hải quan;
 - Cục Thống kê;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, QLTM.
- NVAT



Dương Minh Dũng